

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-PT

Ngày 14/9/2023

V/v "Xin ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung, chia tài sản khi
ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Thẩm phán: bà Đỗ Thị Kim Quy, ông Lâm Anh Luyện.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đức Trung - Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Đức Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 14/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 03/2023/TLPT-DS ngày 11/7/2023 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/HNGĐ-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2023/QĐPT-DS ngày 17/8/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Lầu Thị X, sinh năm 1981; địa chỉ thôn L, xã C, huyện M, tỉnh Hà Giang;

- **Bị đơn:** anh Vừ Mí C, sinh năm 1982; địa chỉ thôn L, xã C, huyện M, tỉnh Hà Giang.

- **Người kháng cáo:** bị đơn anh Vừ Mí C.

- **Người phiên dịch tiếng Mông:** ông Giàng Cồ S, địa chỉ phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lầu Thị X trình bày: chị và anh Vừ Mí C sống chung từ năm 2004, trên cơ sở tự nguyện của đôi bên và không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019, do anh C có đi quan hệ ngoại tình với chị Vừ Thị L, sinh năm 1980 trú cùng thôn, mặc dù chị X đã khuyên can nhưng anh C không thay đổi mà còn tiếp tục đánh chửi chị X nhiều lần, đến năm 2020 thì chị X và anh C đã sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau nữa nên chị

X đã viết đơn ra Tòa xin ly hôn với anh C. Trong quá trình chung sống với nhau anh chị có hai con chung là cháu Vừ Thị L1, sinh ngày 14/7/2005 và cháu Vừ Thị D, sinh ngày 06/8/2007. Khi ly hôn chị X đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Vừ Thị D, còn anh C là người trực tiếp nuôi cháu Vừ Thị L1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị X xác nhận có 01 ngôi nhà trị giá khoảng 150.000.000 đồng; 01 con bò đực đã bán với giá 33.000.000 đồng và 03 mảnh nương chị X yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số tài sản trên.

Về công nợ chung: chị X khẳng định vợ chồng chị không nợ nần gì ai và đồng thời cũng không có ai nợ nần gì vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vừ Mí Chơ trình bày: anh C với chị Lầu Thị X chung sống với nhau từ năm 2003, trên cơ sở tự nguyện của đôi bên, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2017 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là chị X không trung thực trong cuộc sống, hay lấy những thứ vật trong gia đình giấu đi khi anh C phát hiện thì vợ chồng lại cãi chửi nhau. Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Vừ Thị L1 sinh ngày 14/7/2005 và cháu Vừ Thị D, sinh ngày 06/8/2007, anh C đề nghị giải quyết con chung theo nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung: vợ chồng anh có 01 ngôi nhà cấp 4 và 02 con bò, do hiện nay điều kinh tế khó khăn không có khả năng chi trả cho chị X nên anh đề nghị ngăn đôi ngôi nhà mỗi người sống một nửa. Đối với phần đất là tài sản riêng nên anh C không nhất trí chia cho chị X.

Về công nợ chung: anh Chơ khẳng định vợ chồng anh không nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào và cũng không có ai nợ nần gì vợ chồng anh.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2023/HNGĐ-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang đã tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình 2000;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 33, Điều 43, Điều 53, Điều 57, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lầu Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lầu Thị X và anh Vừ Mí C.

2. Về con chung: giao cháu Vừ Thị L1 14/7/2005 cho anh Vừ Mí C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao cháu Vừ

Thị D, sinh ngày 06/8/2007 cho chị Lầu Thị X trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh C và chị X không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C và chị X có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

3. Về tài sản chung:

3.1. Giao 01 ngôi nhà một tầng, mái chảy không hiên tây, mái lợp Fibro xi măng, tường xây gạch bi, nền bê tông diện tích xây dựng $10,2 \times 8,8 = 89,76m^2$, cột kèo bằng gỗ, sà gỗ. Phía trước có diện tích 8,8m giáp với đường liên xã C đi xã L, xã K được xây dựng từ năm 2016 cho anh Vừ Mí C quản lý, sử dụng. Buộc anh Vừ Mí C thanh toán phần tiền chênh lệch giá trị ngôi nhà cho chị Lầu Thị X số tiền 33.207.000 đồng ($66.414.000 \text{ đồng} : 2 = 33.207.000 \text{ đồng}$).

Khoản tiền nói trên kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.2. Đối với 02 con bò (một con đực, một con cái). Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận. Buộc anh Vừ Mí C có trách nhiệm giao cho chị Lầu Thị X nuôi con bò đực (con bò mà anh C đã mua bằng số tiền 33.000.000 đồng từ việc bán con bò trước).

3.3. Không chấp nhận yêu cầu của chị Lầu Thị X đề nghị anh Vừ Mí C chia cho chị một phần đất nương vì đất là tài sản riêng của anh Vừ Mí C.

4. Về án phí:

Buộc chị Lầu Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 1.660.350 đồng án phí có giá ngạch đối với phần tài sản chị X được hưởng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp theo biên lai số 0006201 ngày 21/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Hà Giang số tiền 4.500.000 đồng. Hoàn trả lại cho chị Lầu Thị X số tiền 2.839.650 đồng ($4.500.000 \text{ đồng} - 1.660.350 \text{ đồng} = 2.839.650 \text{ đồng}$).

Buộc anh Vừ Mí C phải chịu 1.660.350 đồng án phí có giá ngạch đối với phần tài sản anh C được hưởng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 07/6/2023, anh Vừ Mí C có đơn kháng cáo, với nội dung: không nhất trí về phần chia tài sản chung và yêu cầu chị Lầu Thị X có trách nhiệm trả cho anh Vừ Mí C số tiền 40.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Vừ Mí C giữ nguyên kháng cáo của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung: quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm anh Chơ không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND huyện Mèo Vạc.

Về án phí: anh C, chị X là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: kháng cáo của bị đơn anh Vừ Mí Chơ trong hạn luật định quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Vừ Mí C về việc không nhất trí về phân chia tài sản chung và yêu cầu chị Lầu Thị X có trách nhiệm trả cho anh Vừ Mí C số tiền 40.000.000 đồng.

[3] Đối với kháng cáo về phân chia tài sản chung.

[4] Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện quá trình chung sống anh C và chị X đã tạo dựng được một khối tài sản chung gồm 01 ngôi nhà một tầng, mái chảy lợp Fibro xi măng, không hiên tây, tường xây gạch bi, nền bê tông diện tích xây dựng $10,2 \times 8,8 = 89,76m^2$, cột kèo bằng gỗ, sà gồ. Phía trước có diện tích 8,8m giáp với đường liên xã C đi xã L, xã K được xây dựng từ năm 2016 có giá trị là 66.414.000 đồng; 02 con bò (một con đực, một con cái) do anh C đã mua bằng số tiền 33.000.000 đồng từ việc bán con bò trước đó của gia đình).

[5] Tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ số tài sản chung gồm 01 ngôi nhà một tầng, mái chảy lợp Fibro xi măng, không hiên tây, tường xây gạch bi, nền bê tông diện tích xây dựng $10,2 \times 8,8 = 89,76m^2$, cột kèo bằng gỗ, sà gồ. Phía trước có diện tích 8,8m giáp với đường liên xã C đi xã L, xã K được xây dựng từ năm 2016 cho anh C quản lý, sử dụng, anh C có trách nhiệm hoàn trả phần chênh lệch về tài sản cho chị X số tiền là 33.207.000 đồng. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận là anh Vừ Mí C có trách nhiệm giao cho chị Lầu Thị X nuôi con bò đực là có căn cứ, hợp tình, hợp lý nên kháng cáo về nội dung này của anh Chơ là không có căn cứ.

[6] Tuy nhiên, nội dung trong phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc công nhận thỏa thuận giao cho chị Lầu Thị X nuôi 01 con bò đực, nhưng không nêu rõ tình trạng, đặc điểm của con bò là thiếu sót, khó thi hành án. Do đó, HĐXX thấy cần sửa lại cho đầy đủ, chính xác, bảo đảm cho việc thi hành án.

[7] Đối với yêu cầu chị Lầu Thị X có trách nhiệm trả cho anh Vừ Mí C số tiền 40.000.000 đồng: quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm anh C không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho nội dung kháng cáo

của mình là có căn cứ. Do đó, nội dung kháng cáo này của anh C không có căn cứ để chấp nhận.

[8] Từ các phân tích, nhận định nêu trên HĐXX xét thấy căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh Vừ Mí C, giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND huyện M, tỉnh Hà Giang.

[9] Về án phí: quá trình xét xử phúc thẩm anh C, chị X đều có đơn xin miễn án phí. HĐXX xét thấy cả anh C và chị X đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Do đó, cần miễn toàn bộ các khoản tiền án phí cho anh C, chị X theo quy định của pháp luật. Do anh C, chị X được miễn các khoản tiền án phí nên cần sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

[10] Ý kiến, quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

[11] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[12] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Vừ Mí C giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2023/HNGĐ-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang về phần quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, sửa phần án phí dân sự sơ thẩm để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 33, Điều 43, Điều 53, Điều 57, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lầu Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lầu Thị X và anh Vừ Mí C.

2. Về con chung: giao cháu Vừ Thị L1 14/7/2005 cho anh Vừ Mí C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao cháu Vừ Thị D, sinh ngày 06/8/2007 cho chị Lầu Thị Xí trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh C và chị X không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C và chị X có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung là không có định.

3. Về tài sản chung:

3.1. Giao 01 ngôi nhà một tầng, mái chày không hiên tây, mái lợp Fibro xi măng, tường xây gạch bi, nền bê tông diện tích xây dựng $10,2 \times 8,8 = 89,76m^2$, cột kèo bằng gỗ, sà gỗ. Phía trước có diện tích $8,8m$ giáp với đường liên xã C đi xã L, xã K được xây dựng từ năm 2016 có tổng giá trị là $66.414.000$ đồng cho anh Vũ Mí C quản lý, sử dụng. Anh Vũ Mí C có trách nhiệm thanh toán phần tiền chênh lệch ($1/2$ giá trị ngôi nhà) cho chị Lầu Thị X số tiền là $66.414.000$ đồng : $2 = 33.207.000$ đồng.

Khoản tiền nói trên kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.2. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự: anh Vũ Mí C có trách nhiệm giao 01 con bò đực khoảng 02 năm 06 tháng tuổi, lông màu vàng, sừng dài 13 cm, chiều cao 98 cm, có chiều dài thân chéo 127 cm, ngực 145 cm, cân nặng khoảng $235,6$ kg, có giá trị là $13.000.000$ đồng cho chị Lầu Thị X.

Giao 01 con bò cái khoảng 05 năm tuổi, lông màu vàng, sừng dài 13 cm, chiều cao 98 cm, có chiều dài thân chéo 178 cm, ngực 150 cm, cân nặng khoảng 272 kg, có giá trị là $13.000.000$ đồng cho anh Vũ Mí C.

3.3. Không chấp nhận yêu cầu chia một phần đất nương của chị Lầu Thị X.

4. Về án phí:

4.1. Án phí sơ thẩm: miễn toàn bộ các khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lầu Thị X và anh Vũ Mí C. Hoàn trả lại cho chị Lầu Thị X số tiền tạm ứng án phí là $4.500.000$ đồng theo biên lai số 0006201 ngày 21/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Hà Giang.

4.2. Án phí phúc thẩm: miễn khoản tiền án phí dân sự phúc thẩm cho anh Vũ Mí C.

5. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- TAND huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường